

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XM  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 31/8/2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nga.
2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 60/2022/QĐST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm: 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Ấp 8, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: 507/4, tổ 6, ấp KG, Thị trấn NG, huyện CĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Bị đơn:** Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 8, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày:*

Bà T và ông Trần Quốc T xây dựng gia đình vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện không ai mai mối, ép buộc, được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới.

Cuộc sống chung giữa bà T và ông T hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T hay nhậu nhẹt về vợ

chồng lời qua tiếng lại nên thường xảy ra cãi vã, đôi khi xảy ra xô xát, bà T đã cố gắng nhẫn nhịn mong ông T thay đổi nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T và ông T ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau, không còn tình cảm cũng không lệ thuộc về kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc T.

- Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung tên Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 22/7/2015 và Trần Bảo N, sinh ngày 21/6/2018, hiện các con đang sống chung với bà T. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Trần Quốc T trình bày:*

Về thời gian, điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như bà T trình bày là đúng, ông T không bổ sung gì thêm. Cuộc sống chung giữa ông T và bà T hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà T có tình cảm với người đàn ông khác, ông Truyền bắt gặp qua tin nhắn, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã, đôi khi xảy ra xô xát. Hiện ông T và bà T ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau. Nay theo yêu cầu ly hôn của bà T thì ông T không đồng ý ly hôn vì ông T còn tình cảm với bà T.

- Về con chung: Ông T và bà T có 02 con chung tên Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 22/7/2015 và Trần Bảo N, sinh ngày 21/6/2018, hiện các con đang sống chung với ông T và bà T. Ông T đồng ý để bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc, ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mời ông T để hòa giải nhưng ông T vẫn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Tại các phiên tòa ông T đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Thanh T yêu cầu ly hôn, tranh chấp con chung với ông Trần Quốc T đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Trần Quốc T có nơi cư trú tại huyện XM theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng ông Trần Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do; bà Lê Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà T, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T xây dựng gia đình vào năm 2014 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 111/2014, quyển số 01/2014, ngày 10/10/2014 tại UBND xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng, bà T cho rằng nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T hay nhậu nhẹt về vợ chồng lời qua tiếng lại nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Còn ông T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T có tình cảm với người đàn ông khác, ông Truyền bắt gặp qua tin nhắn, từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi vã, đôi khi xảy ra xô xát.

Kết quả xác minh tại địa phương: Do bà T và ông T không hòa giải ở cơ sở nên địa phương không rõ mâu thuẫn giữa bà T và ông T. Tuy nhiên, bà T và ông T đều xác nhận ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay và vẫn đề này phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương “Bà T và ông T hiện tại không sống cùng nhau, bà T về nhà cha mẹ tại huyện CD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu sinh sống, còn ông T vẫn đang sinh sống tại ấp 8, xã HB, huyện XM” theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình – 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”. Từ đó, cho thấy bà T và ông T mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Ông T cho rằng vẫn còn tình cảm với bà T và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy ông T yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng ông T không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích bà T và ông T trở về đoàn tụ chung sống nhưng ông T vắng mặt bà T thì nhất quyết xin ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà T và ông T thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông T.

[3] Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung tên Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 22/7/2015 và Trần Bảo N, sinh ngày 21/6/2018, hiện các con đang sống chung với bà T.

Xét yêu cầu nuôi con của bà T cho thấy: Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý để bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngọc, ông T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nhi. Tuy nhiên, qua xem xét nguyện vọng của cháu Nhi, cháu có nguyện vọng được ở cùng bà T, hơn nữa cháu Nhi là con gái nên việc giao cháu Nhi cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận lợi về mọi mặt cho cháu. Do đó, giao con chung tên Trần Ngọc Yến N và Trần Bảo N cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thanh T đối với ông Trần Quốc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Quốc T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 22/7/2015 và Trần Bảo N, sinh ngày 21/6/2018 cho bà Lê Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ông Trần Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền

yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Trần Quốc T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011113 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã HB;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thảo**